

Số: 01/2025/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 30/2024/TLST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N1 (A1).

Địa chỉ: Số B, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V-Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trịnh Xuân Đ - Chức vụ Giám đốc Ngân hàng N1 - Chi nhánh T5.

Người được uỷ quyền lại: Ông Lê Thành T - Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Doanh nghiệp A1 - Chi nhánh tỉnh T5.

Bị đơn: Công ty TNHH P.

Địa chỉ: Số nhà B, tổ I, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Hoàng T1, Chức danh - Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ B, phường S, L, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Hồng A, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ F, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

2. Bà Hồ Thị T2, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Tổ B, phường S, quận L, thành phố Hà Nội.

3. Ông Nguyễn Minh T3, sinh năm 1995.

Địa chỉ: A L, phường Q, quận H, TP ..

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Nguyễn Hồng A, bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Minh T3: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ B, phường S, L, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn Ngân hàng N1 (AI), đại diện theo ủy quyền ông Lê Thành T và đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH P đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh T3, bà Hồ Thị T2 và chị Nguyễn Hồng A là ông Nguyễn Xuân H thỏa thuận:

- Công ty TNHH P nhất trí trả cho Ngân hàng N1 (AI) số tiền tạm tính đến ngày 24/6/2025 là: Nợ gốc: 27.200.000.000 đồng (*hai mươi bảy tỷ, hai trăm triệu đồng*) và Nợ lãi trong hạn: 737.863.014 đồng; Nợ lãi quá hạn 8.378.153.428 đồng. Tổng tiền lãi là: 9.116.016.442 đồng (*chín tỷ một trăm mười sáu triệu không trăm mười sáu nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*). Tổng cộng cả gốc và lãi là 36.316.016.442 đồng (*ba mươi sáu tỷ ba trăm mười sáu triệu không trăm mười sáu nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số 8500LAV 202200615 ngày 27/5/2022 (*Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 8500LAV 202200615 ký ngày 27/5/2022 số 8500LAV 202200615/PLHD-01 ngày 27/6/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 8500LAV 202200615 ký ngày 27/5/2022 số 8500LAV 202200615/PLHD-02 ngày 24/11/2022*).

- Thời hạn thanh toán lần thứ nhất vào ngày 22/7/2025 số tiền gốc là 18.000.000.000 đồng (*mười tám tỷ đồng*).

- Thời hạn thanh toán lần thứ hai vào ngày 30/9/2025 số tiền gốc là 9.200.000.000 đồng (*chín tỷ hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi 9.116.016.442 đồng (*chín tỷ một trăm mười sáu triệu không trăm mười sáu nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*) và lãi phát sinh tính từ ngày 25/6/2025.

Công ty TNHH P còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 25/6/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả Ngân hàng N1 (AI).

- Trường hợp Công ty TNHH P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nói trên, thì Ngân hàng N1 (AI) được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp (*Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số DN/2022/MINH LAM/TC.03 ngày 27/5/2022; Hợp đồng thế*

chấp số DN/2022/MINH LAM/TC.08 ngày 23/6/2022; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ngày 07/3/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số DN/2022/MINH LAM/TC.09 ngày 11/11/2022) để thu hồi nợ, cụ thể là các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng thửa đất số 06 tờ bản đồ số TĐ 14, diện tích 340m²; tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xưởng xây dựng năm 2017 diện tích 280m², tại địa chỉ: xã V, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 293796, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 28/8/2017 mang tên ông Nguyễn Văn T4 và bà Nguyễn Thị N. Ngày 31/6/2019, Văn phòng Đ1 - Chi nhánh huyện T xác nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích trong giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Hồng A theo hồ sơ số 190116-0022.

+ Quyền sử dụng thửa đất số 07 tờ bản đồ số TĐ 14 diện tích 819m²; tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xưởng xây dựng năm 2017 diện tích 220m², 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 30m² lợp mái tôn 48m² tại địa chỉ: xã V, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 928882, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 04/9/2019 mang tên bà Nguyễn Hồng A.

+ Quyền sử dụng thửa đất số 532 tờ bản đồ số 62; tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây cấp 4 diện tích xây dựng 80m², diện tích sàn 80m² tại địa chỉ: số B và B ngõ A phố B, phường N, quận L, thành phố Hà Nội theo Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 532 tờ bản đồ số 62 địa chỉ: số B và B ngõ A phố B, phường N, quận L, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 655559, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 18/02/2022 mang tên ông Nguyễn Minh T3.

+ Quyền sử dụng thửa đất số 134 tờ bản đồ số 09; tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây cấp 3 diện tích xây dựng 76,0m², diện tích sàn 136,0m² tại địa chỉ: Tổ A, phường S, quận L, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 288688, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 02/7/2018 mang tên bà Hồ Thị T2.

(có trích đo hiện trạng các thửa đất kèm theo).

- Trường hợp số tiền thu được sau khi phát mại tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng N1 (AI), thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng N1 (AI) cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ, thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu.

2.2 Về chi phí tổ tụng và án phí:

2.2.1. Về chi phí tổ tụng: Công ty TNHH P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tổ tụng và phải có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng N1 (AI) toàn bộ số tiền đã chi phí cho việc xác minh thẩm định tại chỗ và đo vẽ hiện trạng tài sản thế chấp là 27.750.000 đồng.

2.2.2. Về án phí: Công ty TNHH P tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 72.158.000 đồng (*bảy mươi hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*). Hoàn trả cho Ngân hàng N1 205.441.000 đồng (*hai trăm linh năm triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo biên lai số 0000542 ngày 05/12/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND Khu vực 1;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thúy Quỳnh